

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Trung Tuyển

2. Ông Long Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàng Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2022/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DSST ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lục Văn T - sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ 03, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Bị đơn: bà Nông Thị T - sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 03, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lục Văn T trình bày: ông và bà Nông Thị T đăng ký kết hôn ngày 20/01/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm Đ, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Sau đó chuyển ra thành phố Cao Bằng sinh sống, đến năm 2009 vợ chồng chuyển đến sinh sống tại tổ 03, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đến nay.

Về quá trình chung sống: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 04/02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T thường xuyên bỏ nhà đi không về, từ ngày mừng 3 tết đến nay ông chỉ gặp bà T ở nhà khoảng 03 lần, trong khi đó ông đi trên đường vẫn gặp bà T nhưng bà T vẫn không về nhà chăm lo cho gia đình, con cái. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ tết nguyên đán năm 2022 đến nay. Quá trình mâu thuẫn không xảy ra xô xát, đánh đập. Mâu thuẫn gia đình chưa được hòa giải lần nào. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lục Quang T (giới tính: Nam; sinh ngày 14/4/2002). Hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có tài sản nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nông Thị T trình bày: Về quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn bà xác nhận đúng như ông T đã trình bày. Tuy nhiên, bà không nhất trí ly hôn với ông T vì bà xác định tình cảm vợ chồng còn, vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Do công việc của bà là kinh doanh, có 02 cơ sở gồm 01 cơ sở ở Hà Nội và 01 cơ sở ở Cao Bằng nên bà thường xuyên phải đi lại hai nơi. Khi ông T đi trực thì bà vẫn về nhà. Một tháng bà về nhà ở Cao Bằng khoảng 3 - 4 lần, thời gian còn lại bà ở Hà Nội.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lục Quang T (giới tính: Nam; sinh ngày 14/4/2002). Hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có tài sản nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2022, tổ trưởng tổ 03, phường S, thành phố Cao Bằng cho biết: hộ gia đình ông T, bà T cư trú tại tổ 03, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Ông T là bộ đội còn bà T làm nghề tự do. Do bà T làm nghề tự do nên thường xuyên vắng nhà, lâu lâu mới trở về, thời gian trở về khoảng 1 - 2 ngày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T do chưa qua hòa giải tại tổ dân phố nên ông không nắm được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án T tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm. Quan điểm của việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội

đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lục Văn T. Ông Lục Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “ly hôn”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa, bà Nông Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lục Văn T và bà Nông Thị T đăng ký kết hôn ngày 20/01/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới tại 2 bên gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, ông T và bà T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi ở nhà, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tết nguyên đán năm 2022 đến nay. Tại tòa ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng không thể khắc phục nên yêu cầu được ly hôn. Còn bà T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nên không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy bà T không nhất trí ly hôn với ông T nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, bà T vẫn thường xuyên không ở nhà, không có sự cố gắng, nỗ lực để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Bà T trình bày muốn hòa giải nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nên cần cho ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông T và bà T có 01 con chung là cháu Lục Quang T (giới tính: Nam; sinh ngày 14/4/2002). Hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:

Về tài sản chung: các bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: các bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lục Văn T. Xử cho ông Lục Văn T được ly hôn bà Nông Thị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông Lục Văn T và bà Nông Thị T có 01 con chung là cháu Lục Quang T (giới tính: Nam; sinh ngày 14/4/2002). Hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: các bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: các bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lục Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003202 ngày 27/05/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hoài Phương